

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2020

V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Vinh

Ông Dương Hữu Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (Có mặt)

Trú tại: Thôn Hoa T, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Anh Võ Hữu P, sinh năm 1969 (Có mặt)

Trú quán: Thôn Hoa T, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông Việt Nam - Chi nhánh Cẩm X- Phòng giao dịch C; Người đại diện: Ông Đặng Quốc N - Giám đốc Phòng giao dịch C (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993. Khi về chung sống, hai bên có tổ lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã... Chị và anh P sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu Tòa án công nhận chị và anh Võ Hữu P không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P có 03 con chung là Võ Thị A, sinh ngày 28/4/1994; Võ Thị T, sinh ngày 30/10/1997 và Võ Kim H, sinh ngày 14/6/1998. Hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh P tạo lập được một số tài sản chung và có một số nợ chung, hai người tự thỏa thuận phân chia và lập biên ngày 10/11/2020 đề nghị Tòa án ghi nhận vào Bản án, cụ thể:

- Giao cho anh Võ Hữu P được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt: 01 thửa đất có diện tích 420,7m² (trong đó đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 120,7m²) thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Thôn Hoa T, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện Cẩm X cấp giấy CNQSDĐ ngày 12/12/2014 mang tên Võ Hữu P, Nguyễn Thị H và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.

- Anh Võ Hữu P có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm X- Phòng giao dịch C số tiền 90.000.000đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo Hợp đồng tín dụng số 3705-LAV-201908440 ngày 06/11/2019.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Hữu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như trình bày của chị H về việc anh và chị H chung sống với nhau như vợ chồng. Từ năm 2016 đến nay hai người sống ly thân do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Nay anh cũng nhất trí như ý kiến chị H về việc yêu cầu Tòa án công nhận anh và chị H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung như chị H trình bày. Các con đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H có một số tài sản chung và nợ chung, hai người tự thỏa thuận phân chia như trong biên bản thỏa thuận ngày 10/11/2020 và đề nghị Tòa án ghi nhận vào Bản án.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cẩm X- Phòng giao dịch C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng chấp nhận sự thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P về việc anh Võ Hữu P trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm X- Phòng giao dịch C số tiền gốc 90.000.000đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo Hợp đồng tín dụng số 3705-LAV-201908440 ngày 06/11/2019 đã ký kết giữa anh Võ Hữu P và Ngân hàng.

- Hiện Ngân hàng đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 32 địa chỉ: Thôn Hoa T, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh, được Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên cấp ngày 12/12/2014 mang tên Nguyễn Thị H và Võ Hữu P. Ngân hàng cung cấp bản sao giấy CNQSDĐ và Hợp đồng tín dụng số 3705-LAV-201908440 ngày 06/11/2019 để Tòa án có căn cứ giải

quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại UBND Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh: Hồ sơ lưu trữ về việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Lạc không thể hiện việc chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P có đăng ký kết hôn, tuy nhiên chị H và anh P chung sống với nhau như vợ chồng là đúng sự thật. Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P được UBND huyện Cẩm Xuyên cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Thôn Hoa T, xã Cẩm L, huyện Cẩm X. Từ trước đến nay chị H và anh P sinh sống ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất và không có tranh chấp với ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tranh tụng đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a, d Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc không công nhận là vợ chồng với anh Võ Hữu P; Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh P về việc phân chia tài sản chung, nợ chung như biên bản thỏa thuận ngày 10/11/2020 đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh Võ Hữu P, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Võ Hữu P có nơi cư trú tại thôn Hoa Thám, xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 không có đăng ký kết hôn. Từ năm 2016 đến nay chị H và anh P sống ly thân, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã,

nay hai người không còn tình cảm với nhau nên việc chị H yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh P là có căn cứ.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng ...”. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nay cả hai không còn tình cảm và không muốn tiếp tục sống chung với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P có 03 con chung là Võ Thị A, sinh ngày 28/4/1994; Võ Thị T, sinh ngày 30/10/1997 và Võ Kim H, sinh ngày 14/6/1998. Hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh P tạo lập được một số tài sản chung, nợ chung, chị H và anh P tự thỏa thuận phân chia như trong biên bản thỏa thuận ngày 10/11/2020 và đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội. Mặt khác, việc thỏa thuận này đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông Việt Nam - Chi nhánh Cẩm X- Phòng giao dịch C. Vì vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự vào Bản án theo yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung và lập biên bản phân chia trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên các đương sự không phải chịu án phí chia tài sản. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a, d Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P có 03 con chung là Võ Thị A, sinh ngày 28/4/1994; Võ Thị T, sinh ngày 30/10/1997 và Võ Kim H, sinh ngày 14/6/1998. Hiện các con đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động, chị H và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Võ Hữu P về việc phân chia tài sản chung, trả nợ chung như trong biên bản thỏa thuận lập ngày 10/11/2020, cụ thể như sau:

- Giao cho anh Võ Hữu P được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt: 01 thửa đất có diện tích 420,7m² (trong đó đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 120,7m²) thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Thôn Hoa T, xã C, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/2014 mang tên Võ Hữu P, Nguyễn Thị H và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.

- Anh Võ Hữu P có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm X- Phòng giao dịch Csố tiền gốc 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo Hợp đồng tín dụng số 3705-LAV-201908440 ngày 06/11/2019.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Võ Hữu P có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005624 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí chị H đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- UBND xã Cẩm L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

